

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS - ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2024
“V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Triền

Ông Phan Duy Lục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 156/2023/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt);

- Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Đều vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2023 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Do có quen biết là người cùng xã nên ngày 19/4/2021 ông có bán chịu thức ăn chăn nuôi (cám lợn) cho vợ chồng ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H rất nhiều lần từ ngày 19/4/2021 đến ngày cuối cùng vợ chồng ông K và bà H mua cám lợn là ngày 08/6/2022, khi mua hàng, hai bên cam kết là ông cung cấp thức ăn chăn nuôi

(cám lợn) cho vợ chồng ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H, khi xuất bán lợn thì vợ chồng ông K, bà Nguyễn Thị H sẽ thanh toán hết tiền mua cám (thời hạn trả nợ trong khoảng 5 tháng). Nhưng khi xuất bán lợn ông K và bà H đã không thực hiện đúng như cam kết, không trả nợ tiền hàng cho ông. Mỗi khi vợ chồng bà H mua cám thì ông đều ghi vào sổ theo dõi riêng ghi “H K” theo thứ tự từng ngày từ ngày 19/4/2021 đến ngày 08/6/2022, giữa ông và bà H đã có chốt sổ nợ vào ngày 13/6/2022 tổng số tiền cám còn nợ là 84.110.000đồng, ngày 15/6/2022 ông có viết giấy nhận nợ với nội dung vợ chồng ông K và bà H xác nhận còn nợ của ông tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi (cám lợn) là 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng), và cam kết sẽ thanh toán trong năm 2022 tức là ngày 31/12/2022 sẽ thanh toán hết nợ. Về chữ viết trong giấy nhận nợ là do ông viết, còn chữ ký trong giấy nhận nợ là chị H tự nguyện ký, ông có yêu cầu ông K ký vào giấy nhận nợ nhưng ông K cho biết chỉ cần bà H ký giấy còn về trách nhiệm trả nợ thì ông K cùng với bà H sẽ cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông, vì việc chăn nuôi lợn là của chung 2 vợ chồng K H không phải của một mình bà H. Theo ông được biết, vợ chồng K H đã chuyển nhượng 2 sào đất tại khu trang trại gia đình, đồng thời còn được nhận khoản đền bù từ dự án cải tạo sông Phan, chăn nuôi lợn và chim cút quy mô lớn. Nhưng đến thời điểm thanh toán, ông K và bà H vẫn không hoàn trả tiền cho ông. Ông đã rất nhiều lần vào nhà vợ chồng K H để đòi nợ nhưng vợ chồng K H đều khất nợ đến khi nào có tiền sẽ trả nợ cho ông. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông số tiền đã mua thức ăn chăn nuôi (cám lợn) là 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng), về lãi suất ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà bị đơn ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2023 và Biên bản hoà giải ngày 08/11/2023 bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng bà có làm trang trại chăn nuôi lợn, gà, cá, rắn từ khoảng năm 2017 cho đến năm 2022 thì không chăn nuôi gì do dịch bệnh covid. Do có quen biết là người cùng xã nên ngày 19/4/2021 đến ngày 08/6/2022 vợ chồng bà có mua chịu thức ăn chăn nuôi (cám lợn) rất nhiều lần do ông L cung cấp và hứa sẽ thanh toán trả nợ dần khi xuất bán lợn. Từ năm 2021 đến khoảng tháng 1 năm 2022 mỗi lần bán lợn thì vợ chồng bà có trả đủ tiền cám cho ông L, nhưng đến khoảng tháng 2 năm 2022 do dịch bệnh, lợn của vợ chồng bà bị chết nên vợ chồng bà chưa có tiền trả nợ cho

ông L. Ngày 15/6/2022 ông L đã yêu cầu vợ chồng bà viết giấy nhận nợ với số tiền 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng) và hẹn ngày thanh toán là ngày 31/12/2022, về chữ viết trong giấy nhận nợ là ông L viết, còn chữ ký trong giấy nhận nợ là bà tự nguyện ký, về trách nhiệm trả nợ bà xin tự trả nợ cho ông L, bà không yêu cầu chồng bà là ông K trả nợ cùng bà. Từ tháng 2 năm 2022 cho đến nay do dịch bệnh nên trang trại của vợ chồng bà bỏ không, không chăn nuôi được gì, kinh tế gia đình bà khó khăn chồng bà phải đi làm ăn xa nhà, vợ chồng bà đang phải nuôi 3 con ăn học và nuôi bố mẹ chồng già ốm đau. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì bà thừa nhận còn nợ tổng số tiền là 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng), nhưng do chưa có tiền trả nợ ngay cho ông L nên bà xin trả nợ dần, cụ thể mỗi năm bà sẽ trả cho ông L 20.000.000 đồng từ cuối năm 2024 trở đi. Ngày 31/01/2024 bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa xét xử chờ chồng bà là anh K về cùng giải quyết vì lý do bà vẫn chưa liên lạc được với chồng bà và chồng bà không biết việc nợ tiền nên một mình bà không thể tự giải quyết được, hơn nữa bà cũng không biết sau khi ký giấy nhận nợ chồng bà có trả được cho ông L ít tiền nào hay chưa.

Xác minh tại UBND xã V ngày 12/01/2024 cho biết: Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông K và bà H có làm trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm từ khoảng năm 2020 cho đến đầu năm 2022 do dịch bệnh nên ông bà đã nghỉ làm trang trại và trang trại của anh chị hiện đang bỏ không làm gì chỉ có chị H và các con ăn ở, sinh hoạt trên trang trại này. Trong khoảng thời gian vợ chồng ông K và bà H làm kinh doanh trang trại thì có mua cám chăn nuôi do ông Nguyễn Văn L cung cấp hàng, hai bên mua bán nợ tiền hàng như thế nào thì địa phương không rõ. Nay ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện đòi nợ đối với ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H thì quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bản thân ông Phạm Văn K là chồng của bà Nguyễn Thị H hiện nay không có mặt ở tại nơi cư trú, ông K ít khi về nhà và hiện anh K làm công việc gì và ở địa chỉ đâu thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm về việc tuân theo các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và các

đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, Điều 440, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng) là tiền mua thức ăn chăn nuôi (cám lợn) còn nợ chưa thanh toán. Trường hợp bà H và ông K chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải trả nợ cho ông số tiền 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng). Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án vợ chồng bà H và ông K là bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết Tòa án xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp vì đây là số tiền nợ từ việc mua bán hàng hoá nên Hội đồng xét xử xác định là quan hệ tranh chấp Hợp đồng dân sự là Hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp Hợp đồng là 03 năm kể từ khi quyền và lợi ích bị xâm phạm, việc bà H và ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/12/2022, cho đến ngày 27/7/2023 ông L có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K và bà H trả nợ nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K là bị đơn đã được Toà án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, bà H có đơn đề nghị Toà án hoãn xét xử để chờ chồng bà là ông Phạm Văn K về thì giải quyết tiếp vụ án là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là bà H và ông K là đúng quy định pháp luật

[5]. Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ông Nguyễn Văn L sinh năm 1987 ở thôn 1, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và vợ chồng bà Nguyễn Thị H sinh năm 1985, ông Phạm Văn K sinh năm 1982 cùng trú tại thôn 3, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc có giao dịch mua bán hàng hoá với nhau, theo thoả thuận ông L là người cung cấp hàng hoá thức ăn chăn nuôi (cám lợn) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K, mỗi khi vợ chồng bà H mua hàng thì ông L là người bán hàng sẽ ghi sổ theo dõi số lượng hàng bán ra và tổng số tiền nợ, vợ chồng bà H cam kết khi nào xuất bán lợn sẽ thanh toán tiền cám cho ông L nhưng vợ chồng ông K bà H không thực hiện đúng cam kết. Ngày 15/6/2022 ông L có viết giấy nhận nợ với nội dung vợ chồng ông K và bà H xác nhận còn nợ của ông L tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi (cám lợn) là 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng), và cam kết sẽ thanh toán trong năm 2022 tức là ngày 31/12/2022 sẽ thanh toán hết nợ. Về chữ viết trong giấy nhận nợ là do ông L viết, còn chữ ký trong giấy nhận nợ là của bà H, điều này đã được bà Nguyễn Thị H thừa nhận. Ngoài ra, bà H cũng thừa nhận vợ chồng bà đã mua cám chịu của ông L và xác nhận số nợ tiền cám tính từ ngày 19/4/2021 đến ngày 08/6/2022 là 84.110.000 đồng là đúng, bà không có ý kiến thắc mắc gì về số tiền còn nợ, tuy nhiên đến hạn thanh toán vợ chồng bà H và ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông L. Do vậy ông L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải thanh toán trả nợ tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi (cám lợn) là 84.110.000 (tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với các Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bà H xin trả nợ một mình là không được chấp nhận bởi lẽ Bản thân bà H đã thừa nhận việc chăn nuôi lợn là hai vợ chồng bà cùng làm đến khoảng tháng 2 năm 2022 do dịch bệnh nên trang trại của không chăn nuôi gì, do vậy nghĩa vụ thanh toán trả nợ tiền cám cho ông L là trách nhiệm của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phạm

Văn K. Việc bà H yêu cầu Toà án tạm hoãn chờ khi nào chồng bà về sẽ giải quyết là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận cũng như việc bà H cho rằng bà chưa liên lạc được với chồng bà và chồng bà không biết việc nợ tiền nên một mình bà không thể tự giải quyết được, bà cũng không biết sau khi ký giấy nhận nợ chồng bà có trả được cho ông L ít tiền nào hay chưa nhưng bà H không có tài liệu chứng minh nên yêu cầu của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bà H xin trả nợ dần mỗi năm 20 triệu đồng kể từ cuối năm 2024 trở đi nhưng ông L không đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền lãi do ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Số tiền bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải thanh toán là 84.110.000 đồng nên án phí giá ngạch tài sản bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải chịu là 4.205.500 đồng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 84.110.000 (Tám mươi tư triệu một trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K chậm trả tiền cho ông Nguyễn Văn L thì bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004533 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn K phải chịu 4.205.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải